CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Kiên Giang, tháng01 năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY 4
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA VIỆC CỔ PHẦN HOÁ 4
II. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY 5
III. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY 5
1. Thông tin chung về công ty 5
2. Ngành nghề kinh doanh 6
3. Phạm vi hoạt động 9
4. Các thành tích đạt được: 9
5. Cơ cấu tổ chức 10
6. Các đơn vị trực thuộc: 13
7. Danh sách Công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh liên kết 13
IV. THỰC TRẠNG VỀ LAO ĐỘNG CÔNG TY 15
V. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TỪ 2013 - 2015 15
1. Sản lượng/giá trị dịch vụ qua các năm 15
2. Chi phí sản xuất 16
3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: 17
4. Một số chỉ số tài chính của Công ty trong giai đoạn 03 năm trước cổ phần hóa: 18
5. Nguyên vật liệu 18
6. Trình độ công nghệ 20
7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 21
8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ 21
9. Hoạt động Marketing 22
10. Logo của Công ty: 22
11. Các hợp đồng lớn 22
12. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trước cổ phần hóa 23
13. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 24
VI. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 24
1. Thực trạng về tài sản cố định 24
2. Thực trạng về tài chính, công nợ 25
VII. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI, NHÀ XƯỞNG 25
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA 33
I. MỤC TIÊU CỔ PHẦN HOÁ 33
II. ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI ĐỂ CỔ PHẦN HOÁ 33
III. HÌNH THỨC CỔ PHẦN HOÁ 34
IV. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ 34

1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa 34
2. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa: 34
3. Cơ cấu tổ chức quản lý sau cổ phần hóa 38
4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa 39
5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ 41
6. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá 42
7. Loại cổ phần và phương thức phát hành 48
8. Chi phí cổ phần hóa 48
9. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa 49
V. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG 50
1. Phương án sử dụng lao động 50
2. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư 52
3. Phương án phân chia Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 55
VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT 56
VII. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA 64
1. Triển vọng phát triển của ngành 64
2. Định hướng phát triển của công ty 64
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hoá 64
4. Biện pháp thực hiện 66
5. Các rủi ro dự kiến 67
VIII. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 69
1. Căn cứ pháp lý 69
2. Trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa dưới hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định pháp luật về cổ phần hóa: 69
3. Trường hợp Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán 71
PHẦN III: KẾT LUẬN - TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT 72
I. KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ 72
II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT 72

MỤC LỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Danh sách Công ty con tại thời điểm 31/12/2015 13
Bảng số 2: Danh sách Công ty liên doanh liên kết tại thời điểm 31/12/2015 14
Bảng số 3: Danh sách các khoản đầu tư khác tại thời điểm 31/12/2015 14
Bảng số 4: Lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 15
Bảng số 5: Cơ cấu doanh thu thuần 15
Bảng số 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp 16
Bảng số 7: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của 03 năm trước cổ phần hóa 16
Bảng số 8: Tình hình sản xuất kinh doanh trước cổ phần hóa 17
Bảng số 9: Các chỉ tiêu tài chính 18
Bảng số 10: Các doanh nghiệp cung cấp nguồn nguyên vật liệu chủ yếu 19
Bảng số 11: Các hợp đồng tiêu biểu Công ty đang thực hiện 22
Bảng số 12: Tình hình sản xuất kinh doanh trước cổ phần hóa 24
Bảng số 13: Thực trạng quản lý và sử dụng đất 26
Bảng số 14: Bảng tổng hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp 39
Bảng số 15: Cơ cấu vốn điều lệ công ty cổ phần 41
Bảng số 16: Chi phí cổ phần hóa 48
Bảng số 17: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ bán cổ phần 49
Bảng số 18: Phương án sắp xếp lao động 50
Bảng số 19: Phân loại lao động cổ phần hóa 52
Bảng số 20: Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa 56
Bảng số 21: Kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa 65
Bảng số 22: Kế hoạch tổ chức bán cổ phần 73

PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA VIỆC CỔ PHẦN HOÁ

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/20105 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/20105 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Kế hoạch số 77/KH-UBND, ngày 13/10/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang
- Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt đề án Tái cơ cấu doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên giang;

- Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt thời điểm để thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp của công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang;

- Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang;

- Quyết định số 371/QĐ-BCĐCPHngày 22/4/2015 của Chủ tịch HĐTV công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang;

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan;

II. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

- Tiền thân của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang là Công ty Thương mại Kiên Giang (Doanh nghiệp Nhà nước), thành lập năm 1996 do hợp nhất Công ty Vật tư Tổng hợp Kiên Giang với Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Kiên Giang.

- Ngày 28/06/2006, Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 1033/QĐ-UBND về việc thành lập Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trên cơ sở hợp nhất Công ty Thương mại Kiên Giang (Kigitraco) và Công ty Du lịch Kiên Giang (Kien Giang Tourist). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700523208 Sở Kế hoạch và Đầu tư Kiên Giang cấp ngày 25/10/2006.

- Ngày 30/06/2010, Công ty chuyển đổi loại hình hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu; và được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700523208 ngày 30/06/2010.

III. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1. Thông tin chung về công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**

- Tên tiếng Anh: **KIEN GIANG TRADE AND TOURISM COMPANY LIMITED**
- Tên viết tắt: **KTC**
- Địa chỉ: Số 190đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại: (077) 3 862 113 Fax: (077) 3 866 080
- Website: www.ktcvn.com.vn
- Quyết định thành lập: Theo quyết định lập doanh nghiệp nhà nước số 1033/QĐ-UBND ngày 28/06/2006 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Kiên Giang trên cơ sở hợp nhất Công ty Du lịch Kiên Giang và Công ty Thương mại Kiên Giang
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 1700523208 đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 28/02/2015 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp
- Vốn điều lệ: **229.350.000.000đồng**(*Hai trăm hai mươi chín tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*)

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty TNHH một thành viên Du lịch – Thương mại Kiên Giang kinh doanh các ngành nghề chính sau đây:

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Khai thác thủy sản	03110
2	Nuôi trồng thủy sản biển	03210
3	Nuôi trồng thủy sản nước lợ	03221
4	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	03222
5	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
7	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
8	Xay xát, bao gồm: đánh bóng gạo	10611

9	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	10800
10	Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	11041
11	Cưa, xẻ, bào và bảo quản gỗ	1610
12	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ	16291
13	Đóng tàu và cấu kiện nổi	30110
14	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	33150
15	Sản xuất nước đá	35302
16	Xây dựng nhà các loại	41000
17	Xây dựng công trình đường bộ	42102
18	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	42900
19	Phá dỡ	43110
20	Chuẩn bị mặt bằng	43120
21	Lắp đặt hệ thống điện	43210
22	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
23	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	43290
24	Hoàn thiện công trình xây dựng	43300
25	Hoạt động xây dựng khác	43900
26	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
27	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
28	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	45200
29	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
30	Đại lý	46101
31	Môi giới	46102
32	Bán buôn thóc, ngô và các hạt ngũ cốc khác	46201
33	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác	46209
34	Bán buôn gạo	46310
35	Bán buôn thực phẩm	4632
36	Bán buôn đồ uống	4633
37	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	465

38	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
39	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan	46613
40	Bán buôn tổng hợp	46900
41	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống…	4711
42	Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	47191
43	Bán lẻ khác chưa phân vào đâu trong các của hàng kinh doanh tổng hợp	47199
44	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống… trong các cửa hàng chuyên doanh	472
45	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	47300
46	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm	47411
47	Bán lẻ thiết bị viễn thông	47412
48	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn	47420
49	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752
50	Vận tải hành khách bằng xe taxi	49312
51	Vận tải hành khách bằng xe đạp, xe xích lô và xe thô sơ khác	49319
52	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
53	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
54	Vận tải hành khách ven biển và hải dương	5011
55	Vận tải hàng hóa ven biển và hải dương	5012
56	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
57	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
58	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan	52101
59	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)	52102
60	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác	52109
61	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	52219
62	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
63	Khách sạn	55101

64	Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn	55102
65	Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn	55103
66	Cơ sở lưu trú khác	5590
67	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	56101
68	Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	56109
69	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác	562
70	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
71	Hoạt động viễn thông không dây	61200
72	Hoạt động viễn thông khác	61300
73	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	62090
74	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán	66120
75	Kinh doanh bất động sản	68100
76	Đại lý du lịch	79110
77	Điều hành tua du lịch	79120
78	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	79200
79	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	82200
80	Hoạt động vui chơi giải trí khác	932
81	Thu đổi ngoại tệ; góp vốn, mua cổ phần và các hoạt động kinh doanh khác theo pháp luật quy định	

Vốn điều lệ của Công ty là: 229.350.000.000 đồng.

3. Phạm vi hoạt động

Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và thương mại trên địa bàn Tỉnh Kiên Giang.

4. Các thành tích đạt được:

- Huân chương Độc Lập hạng 3.
- Huân chương Lao động nhất, nhì, ba.
- Bộ Công Thương xét tặng "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 05 năm liền".

- Hiệp Hội Lương thực Việt Nam xếp "Là Doanh nghiệp có sản lượng và kim ngạch XK Gạo đứng thứ 03 cả nước".
- Là thành viên câu lạc bộ 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500).
- Là thành viên vàng của Cổng thương mại điện tử Quốc Gia (ECVN).
- Top 10 giải thưởng Thương mại dịch vụ Việt Nam (Top Trade service VN).
- Cúp vàng Thương hiệu Nhãn hiệu , . . .v.v . . .

5. Cơ cấu tổ chức

5.1 Sơ đồ tổ chức

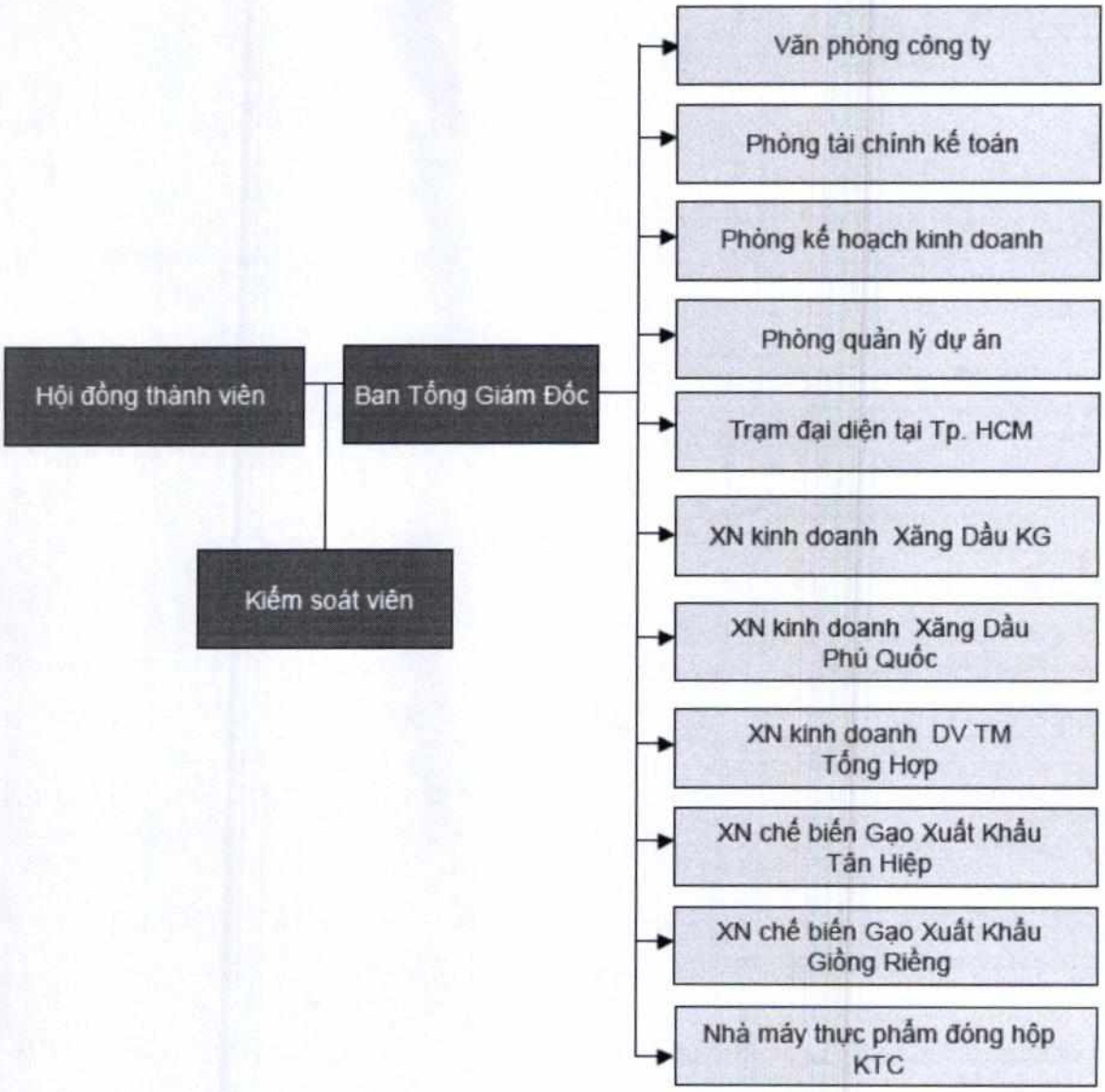

Nguồn: KTC

5.2 Chức năng các Phòng ban

5.2.1 Văn phòng Công ty

- Tham mưu giúp việc cho Ban Tổng giám đốc Công ty trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm và khen thưởng, kỷ luật.
- Xây dựng tiêu chuẩn chức danh cán bộ và quy hoạch cán bộ lãnh đạo.
- Xây dựng kế hoạch đơn giá tiền lương, các quy chế, quy định, quy trình và tổ chức thực hiện.
- Nghiên cứu và giải quyết các chế độ chính sách, BHXH, BHYT, BHLĐ và các chế độ khác.
- Thực hiện công tác quản trị hành chính, lưu trữ văn thư.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập, đào tạo CNVC về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, ngoại ngữ.
- Thực hiện các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc tại Văn phòng và các cơ sở trực thuộc.
- Thực hiện tốt công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan và phòng chống cháy nổ.
- Thừa lệnh Ban Tổng giám đốc ký sao y và xử lý các quy trình hành chính theo chức năng quyền hạn được giao.

5.2.2 Phòng Tài chính Kế toán

- Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng quy định của nhà nước về chuẩn mực, nguyên tắc kế toán.
- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ kế toán qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện tổ chức hạch toán, công tác quản lý tài chính, báo cáo thống kê của công ty theo luật kế toán và các hướng dẫn của Bộ Tài chính và Tổng cục thống kê.
- Kiểm tra giám sát các khoảnthu chi tài chính của công ty, kiểm tra việc xử lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản. Phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán việc thực hiện quy chế tài chính của Công ty.

- Tham mưu đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế tài chính của công ty. Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc cấp phát, cân đối và điều hòa vốn sản xuất kinh doanh giữa các đơn vị trực thuộc.

- Tham gia đánh giá nhà cung ứng vật tư, thiết bị dịch vụ cho Công ty. Phối hợp với các phòng, ban thanh lý các hợp đồng dân sự, hợp đồng kinh tế do Công ty thực hiện.

- Kết hợp với các phòng ban, lập kế hoạch tài chính,kết hợp kiểm kê tài sản, vật tư hàng hóa của Công ty định kỳ và đột xuất theo quy định pháp luật.

- Kết hợp cùng các phòng, ban nghiên cứu cải tiến tổ chức sản xuất, công tác kinh doanh nhằm khai thác khả năng tiềm tàng, tiết kiệm và không ngừng nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

5.2.3 Phòng Kế hoạch Kinh doanh

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công tác kế hoạch; công tác sản xuất, kinh doanh; công tác xuất nhập khẩu; công tác xúc tiến thương mại; công tác nghiên cứu phát triển công ty.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển công ty.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật để phục vụ quá trình sản xuất, kinh doanh của công ty.

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc đàm phán các hợp đồng kinh tế với đối tác bên ngoài và dự thảo các hợp đồng kinh tế.

- Đầu tư tài chính, hợp tác với các công ty thành viên, công ty liên kết và các đối tác bên ngoài.

- Phối hợp với các phòng, ban xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.Thực hiện công tác kiểm tra báo cáo, thống kê và tổng hợp, phân tích tình hình thực hiện kếhoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án giá tiêu thụ sản phẩm nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

5.2.4 Phòng quản lý dự án

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc quản lý các dự án đầu tư của công ty.

- Lập kế hoạch và dự toán vốn đầu tư xây dựng hàng năm.
- Tổ chức đấu thầu và tổ chức nghiệm thu các dự án hoàn thành.
- Lập và trình duyệt các dự án đầu tư phát triển do Công ty làm chủ đầu tư.
- Quản lý điều hành các dự án đầu tư do Công ty thực hiện.
- Tham mưu đàm phán cho Ban Tổng Giám đốc ký kết các hợp đồng thuộc lĩnh vực đầu tư với các nhà thầu.
- Tham mưu công tác nghiên cứu phát triển và trình tự thủ tục pháp lý, triển khai kế hoạch thực hiện các dự án đầu tư phát triển do Công ty làm chủ đầu tư.
- Lập hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các dự án đầu tư theo trình tự pháp lý quy định hiện hành. Thực hiện giám sát thi công công trình theo hợp đồng đã ký kết.
- Xây dựng kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng của từng công trình xây dựng, dự án đầu tư. Báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng.

6. Các đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp;
- Xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng;
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Kiên Giang;
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc;
- Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp;
- Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC;

7. Danh sách Công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh liên kết

7.1 Công ty con

Bảng số : Danh sách Công ty con tại thời điểm 31/12/2015

STT	TÊN CÔNG TY	GIÁ TRỊ VỐN GÓP	TỶ LỆ SỞ HỮU
1.	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kiên	42.000.000.000	100%

	Giang		
2.	Công ty CP vận tải thủy bộ Kiên Giang	11.028.210.000	85,38%

Nguồn:Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của KTC

7.2 Công ty liên doanh, liên kết

Bảng số : Danh sách Công ty liên doanh liên kết tại thời điểm 31/12/2015

STT	TÊN CÔNG TY	GIÁ TRỊ VỐN GÓP (đồng)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1.	Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	49.000.000.000	49.00%
2.	Công ty CP Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	9.766.850.000	38,08%
3.	Công ty CP Chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền	7.680.000.000	35,00%
4.	Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học	2.560.480.000	20,00%
5.	Công ty CP Kinh doanh Nông sản Kiên Giang	9.836.000.000	22,35%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của KTC

7.3 Các khoản đầu tư khác

Bảng số : Danh sách các khoản đầu tư khác tại thời điểm 31/12/2015

STT	TÊN CÔNG TY	GIÁ TRỊ VỐN GÓP	TỶ LỆ SỞ HỮU
1.	Công ty CP du lịch Kiên Giang	12.525.630.000	14,52%
2.	Công ty Cổ Phần Sài Gòn Phú Quốc	3.718.400.000	11,62%
3.	Công ty cổ phần Xi măng Hà tiên 2 Kiên Giang	477.604.400	-
4.	Công ty cổ phần Thương mại Sabeco Sông Hậu	12.800.000	-
5.	Tổng Công ty xăng dầu VN	13.347.480.000	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của KTC

IV. THỰC TRẠNG VỀ LAO ĐỘNG CÔNG TY

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 16/12/2016, tổng số CBCNV của Công ty là **448** người với cơ cấu như sau:

Bảng số : Lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	**448**	**100%**
▪ Trình độ đại học và trên đại học	137	30,51%
▪ Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	211	46,99%
▪ Trình độ khác	100	22,49%
Theo loại hợp đồng lao động	**448**	**100%**
▪ Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	07	1,56%
▪ Hợp đồng không thời hạn	192	42,76%
▪ Hợp đồng thời hạn từ 3 tháng -36tháng	134	29,84%
▪ Hợp đồng dưới 3 tháng	111	24,94%
▪ Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	04	0,89%
Theo giới tính	448	**100%**
▪ Nam	294	65,03%
▪ Nữ	154	34,97%

Nguồn: KTC

V. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TỪ 2013 - 2015

1. Sản lượng/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng số : Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ nội địa	3.836.631	62,06%	3.073.692	61,28%	2.245.559	60,37%
Doanh thu xuất khẩu	2.338.946	37,84%	1.879.966	37,48%	1.269.082	34,12%

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán bất động sản	4.083	0,07%	58.217	1,16%	203.654	5,47%
Doanh thu nội bộ	2.439	0,04%	4.151	0,08%	2.044	0,05%
Tổng cộng	**6.182.099**	**100,00%**	**5.016.027**	**100,00%**	**3.720.340**	**100,00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và 2015 của KTC

Bảng số : Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp hàng hoá đã bán	127,659	100,00%	125,863	90.16%	133,279	86.60%
Lợi nhuận gộp bất động sản	-	0,00%	13,736	9.84%	20,631	13.40%
TỔNG CỘNG	**127,659**	**100,00%**	**139,599**	**100.00%**	**153,910**	**100.00%**

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và 2015 của KTC

2. Chi phí sản xuất

Bảng số : Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của 03 năm trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT
Giá vốn hàng bán	6.054.045	97,17	4.876.006	95,93	3.565.972	94,30
Chi phí tài chính	31.830	0,51	41.836	0,82	47.090	1,25
Chi phí bán hang	103.182	1,66	89.602	1,76	95.052	2,51
Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.832	0,49	56.197	1,11	33.517	0,89
Chi phí khác	10.509	0,17	13.186	0,26	24.719	0,65
Tổng cộng	6.230.398	100,00	5.076.826	99,88	3.766.352	99,60

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và 2015 của KTC

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hóa được tóm tắt ở bảng sau:

Bảng số : Tình hình sản xuất kinh doanh trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Vốn Chủ sở hữu (không bao gồm số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi)	326.561.404.269	327.141.274.693	319.730.237.209
2	Nợ phải trả	1.517.141.970.015	1.196.520.818.181	769.647.700.678
2.1	*Nợ ngắn hạn*	1.356.309.738.215	1.062.923.818.181	635.590.800.678
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-
2.2	*Nợ dài hạn*	160.832.231.800	133.597.000.000	134.056.900.000
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-
2.3	*Nợ khác*	-	-	-
3	Nợ phải thu *Trong đó:*	433.118.110.362	394.991.167.477	245.178.695.909
3.1	*Nợ ngắn hạn*	433.118.110.362	394.991.167.477	245.178.695.909
3.2	*Nợ dài hạn*	-	-	-
4	Tổng số lao động (người)	640	689	586
5	Tổng quỹ lương	27.405.366.184	51.149.113.956	56.933.272.680
6	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng	3.3568.407	6.186.395	9.068.313
7	Doanh thu thuần	6.181.704.454.219	5.015.604.994.224	3.719.882.332.434
8	Giá vốn hàng bán	6.054.045.238.695	4.876.006.203.367	3.565.972.314.190
9	Tổng tài sản	1.843.703.374.284	1.523.662.092.874	1.089.392.307.887
10	Lợi nhuận trước thuế	58.769.485	6.059.175.435	15.039.456.401
11	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	50.019.485	579.870.424	9.595.177.592

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
12	Tỷ suất LNST/ Vốn Chủ sở hữu	0,02%	0,18%	3,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và 2015 của KTC

4. Một số chỉ số tài chính của Công ty trong giai đoạn 03 năm trước cổ phần hóa:

Bảng số : Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,89	0,90	0,92
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,41	0,39	0,45
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn	Lần	0,82	0,79	0,71
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,65	3,66	2,41
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	14,63	9,84	8,77
Vòng quay tổng tài sản	Lần	3,35	3,29	3,41
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,00	0,01	0,26
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,02	0,18	3,00
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,00	0,04	0,88
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,01	(0,27)	0,08

Nguồn: Tổng hợp từ BCTC kiểm toán 2013, 2014 và 2015 của KTC

5. Nguyên vật liệu

- Hoạt động kinh doanh xăng dầu: Công ty có mối quan hệ hợp tác kinh doanh lâu năm với Tập đoàn Xăng dầu Petrolimex, trực tiếp là công ty Xăng dầu Khu vực II – là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực cung ứng xăng dầu tại Việt Nam. Điều này giúp Công ty luônổn định và kịp thời cung ứng nguồn hàng hóa đầu vào, đáp ứng nhu cầu kinh doanh của từng đơn vị trực thuộc.

- Đối với hoạt động chế biến xuất khẩu gạo và cá đóng hộp: Nguồn nguyên liệu của các hoạt động này chịu ảnh hưởng lớn bởi yếu tố đầu vào. Cụ thể: các yếu tố thời tiết, hiện tượng xâm nhập mặn tại các vùng Đồng bằng Sông Cửu Long; chất lượng gạo đầu vào, tính mùa vụ, lũ lụt… ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của hoạt động xuất của Công ty. Để chủ động trong hoạt động kinh doanh và hạn chế rủi ro từnhững yếu tố khách quan này, Công ty luôn chủ động tìm kiếm và hợp tác với các doanh nghiệp cung cấp nguồn nguyên vật liệu đầu vào có thương hiệu, uy tín và chất lượng trên địa bàn; thực hiện công tác kiểm tra chất lượng hàng hóa đầu vào chặt chẽ. Đồng thời, thực hiện các biện pháp dự trữ hàng tồn kho phù hợp với nhu cầu kinh doanh của công ty và dự báo tình hình biến động của thị trường cũng như các yếu tố rủi ro ngành.

Bảng số : Các doanh nghiệp cung cấp nguồn nguyên vật liệu chủ yếu

Stt	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Nguyên vật liệu cung cấp	Loại hợp đồng ký kết
1	Công ty TNHH Thủy Sản Uy Tiến	9/2 Phước Long, Nha Trang, Khánh Hòa	Cá ngừcác loại	Hợp đồng từng năm
2	Công ty TNHH Mười Tuyền	Lô 2, Phường Đức Thắng, Phan Thiết, Bình Thuận	Cá ngừ các loại	Hợp đồng từng năm
3	Công ty TNHH MTV Thương Mại - Dịch Vụ Thu Vân	Số 2, Nguyễn An Ninh , Phường 2, TP Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Cá ngừ các loại	Hợp đồng từng năm
4	Công Ty Xăng Dầu khu vực II- Công ty TNHH MTVPetrolimex Sài Gòn	Số 15 Lê Duẩn, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh	Xăng, Dầu	Hợp đồng từng năm
5	Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Long Hưng	12a Nguyễn Thị Huỳnh, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh	Xăng, Dầu	Hợp đồng từng năm
6	Công ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Vạn Lợi	222 Quốc lộ 91, khu vực Thới Thạnh 2, Q. Thốt Nốt, TP Cần Thơ	Gạo 15% tấm Việt Nam Xuất Khẩu	Hợp đồng vụ việc
7	Doanh Nghiệp Tư Nhân Thành Lợi	Khu vực Lân Thành 1, P. Trung Kiên, Thốt Nốt, Cần Thơ	Gạo 5% tấm Việt Nam Xuất Khẩu	Hợp đồng vụ việc

Nguồn: KTC

6. Trình độ công nghệ

- Theo chiến lược phát triển, để chủ động trong kinh doanh xuất khẩu gạo và kinh doanh xăng dầu là 2 mặt hàng kinh doanh chiến lược. Công ty đã tập trung xây dựng các nhà máy chế biến gạoxuất khẩu với sức chứa trên 80.000 tấn/nhà máy tại hai huyện có nguồn nguyên liệu dồi dào nhất tỉnh là Giồng Riềng và Tân Hiệp, với dây chuyền chế biến hiện đạiđạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào các thị trường khó tính nhất.
- Công ty cũng đã xây dựng Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC (KTCFood):
    - Là một trong những Nhà máy lớn của khu vực đồng bằng sông Cửu Long với dây chuyền sản xuất hiện đại và tự động của Tây Ban Nha và Thái Lan, chuyên kinh doanh chế biến xuất khẩu cá Ngừ và cá Sardines đóng hộp với công suất trung bình của Nhà máy từ 80.000 đến 100.000 lon mỗi ngày.
    - Thực hiện quy trình kiểm tra nghiêm ngặt trong sản xuất từ nguyên liệu đến thành phẩm. Được thực hiện bởi đội ngũ công nhân lành nghề có trình độ chuyên môn, nhằm đảm bảo về chất lượng cho các đơn hàng của đối tác. Hiện nay nhà máy đã được cấp chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng trong quy trình sản xuất, sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường các nước trên thế giới như: HACCP (EU Code DH 755), DOLPHIN SAFE, IFS, HALAL, ISO 22000: 2005…
- Trình độ công nghệ của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh chính và so với ngành:
    - Có nhiều ưu thế so với đối thủ cạnh tranh do xây dựng mới, áp dụng công nghệ tiên tiến.
    - Để xây dựng được niềm tin của khách hàng từng bước thâm nhập và mở rộng thị trường, KTCFOOD luôn chú ý đến chất lượng và đa dạng hóa mẫu mã hàng hóa với công nghệ sản xuất tiên tiến được tư vấn của các chuyên gia công nghệ Thái Lan. Hiện nay nhà máy đã xuất hàng đi các nước trên thế giới như: châu Âu, Mỹ, châu Phi, Nam Mỹ, Trung đông, Hàn Quốc, Singapore, Hồng Kông… với mã số EU Code DH-755. Nhà máy áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và an toàn vệ sinh thực phẩm theotiêu chuẩn HACCP.

- Định hướng ứng dụng công nghệ vào SXKD của Công ty trong tương lai: Luôn áp dụng những tiến bộ của công nghệ vào quá trình sản xuất.

7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

- Hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo và kinh doanh xăng dầu là những ngành nghề kinh doanh cơ bản của nền kinh tế, để nâng cao hiệu quả của các hoạt động này, Công ty chủ trương chú trọng công tác tìm kiếm nguồn đầu vào có tính chất ổn định, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng.Bên cạnh đó, Công ty cũng nỗ lực trong việc tìm kiếm thị trường đầu ra có tính ổn định và lâu dài.

- Riêng hoạt động sản xuất và xuất khẩu cá hộp, KTC có đội ngũ nhân sự riêng tập trung nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm mới. Hiện tại, sản phẩm của KTCFOOD khá đa dạng về chủng loại và mẫu mã được thị trường quốc tế chấp thuận.

- Ngoài ra, Công ty đã và đang thực hiện/ liên kết thực hiện một số dự án bất động sản trên địa bàn Tỉnh Kiên Giang theo chủ trương của UBND Tỉnh. Việc đầu tư này có khả năng giúp Công ty tạo lợi nhuận đột biến trong tương lai.

8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Hoạt động Kinh doanh xăng dầu: Là đơn vị đầu ngành của tỉnh Kiên Giang trong hoạt động kinh doanh xăng dầu, do vậy để đảm bảo cho việc đo lường đúng và chính xác, Công ty đã đầu tư các thiết bị đo lường xăng dầu theo đúng quy định và tiêu chuẩn chất lượng của Việt Nam. Công ty có đội ngũ chuyên trách thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của các chi nhánh/ đại lý xăng dầu nhằm đảm bảo uy tín và chất lượng.

- Hoạt động chế biến xuất khẩu gạo: Là một trong những đơn vị đầu ngành của Việt Nam trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo. Công ty TNHH MTV Du lịch Thương Mại Kiên Giang đã và đang từng bước thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm gạo xuất khẩu.Trong đó, Công ty chủ động tìm kiếm nguồn cung có chất lượng cao, công tác kiểm tra chất lượngchặt chẽ; thực hiện chế độ tồn trữ hàng tồn kho đầy đủ, kịp thời nhằm đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu và đạt chất lượng tốt nhất.

- Trong hoạt động sản xuất đồ hộp xuất khẩu: Việc đầu tư trang thiết bị hiện đại và quy trình quản lý chất lượng nhằm đảm bản tối đa vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng đầy

đủ các quy định của nước xuất khẩu là yêu tố trọng tâm trong hoạt động kinh doanh của KTC.

9. Hoạt động Marketing

- Đối với hoạt kinh doanh xăng dầu: Công ty TNHH MTV Du lịch Thương Mại Kiên Giang không ngừng mở rộng lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, hợp tác chiến lược với Tổng công ty Xăng dầuViệt Nam nhằm từng bước chiếm lĩnh thị trường tại địa bàn tỉnh Kiên Giang và một số vùng phụ cận. Mở rộng các đại lý và các cửa hàng bán lẻ hầu hết các huyện, thị trong tỉnh. Hệ thống xăng dầu của KTC đã được khách hàng và đối tác trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và các vùng phụ cận tin tưởng và sử dụng như một thói quen.

- Đối với lĩnh vực chế biến gạo xuất khẩu và chế biến đồ hộp:Công ty đã và đang nỗ lực trong việc xây dựng thương hiệu KTC, KTCFOOD trong hoạt động xuất khẩu gạo và kinh doanh đồ hộp thông qua các chương trình quảng bá sản phẩm/ Hội chợ trong và ngoài nước; các chương trình xúc tiến thương mại do các hiệp hội, các cơ quan ban ngành trong nước tổ chức; các website thương mạiđiện tử… Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm cung cấp và tuân thủ các quy định của Hợp đồng kinh tế nhằm thể hiện uy tín, thương hiệu và chất lượng của KTC với đối tác là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác marketing của Công ty.

10. Logo của Công ty:

11. Các hợp đồng lớn

Một số hợp đồng tiêu biểu mà Công ty đã và đang ký kết thực hiện như sau:

Bảng số : Các hợp đồng tiêu biểu Công ty đang thực hiện

STT	Tên đối tác	Giá trị hợp đồng/năm	Hiệu lực hợp đồng
1	POSCO DAEWOO Corp	1.865.000 USD	12/05/2016
2	OLAM INTERNATIONAL LTD	2.1000.000 USD	05/01/2016

STT	Tên đối tác	Giá trị hợp đồng/năm	Hiệu lực hợp đồng
3	J.A. KIRSCH CORP	486.259,2 USD	06/04/2016
4	I.SCHRODER	529.448 USD	02/03/2016
5	DNTN HUỲNH PHI HẢI	2.400.000 lít	01/01/2016
6	CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU KIÊN THÀNH	3.600.000 lít	01/01/2016

Nguồn: KTC

12. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trước cổ phần hóa

12.1 Thuận lợi:

- Công ty luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh Kiên Giang; sự hỗ trợ và tạo điều kiện của các ngành chức năng có liên quan và lãnh đạo các địa phương, nhất là các địa phương nơi Công ty có cơ sở SXKD.

- Hai ngành kinh doanh chiến lược của Công tylà Xăng dầu và chế biến gạo xuất khẩu được sự hợp tác và hỗ trợ tích cực, hiệu quả từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam và Công ty Xăng dầu Khu vực II thuộc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex).

- Mặt khác, các doanh nghiệp thành viên trong hệ thống Công ty đã có sự hỗ trợ, chia sẻ thông tin rất tốt, trong đó Công ty mẹ đã phát huy tốt vai trò chủ đạo, dẫn dắt và định hướng khi các Công ty thành viên gặp khó khăn.

- Ngoài ra, thuận lợi khá cơ bản đối với Doanh nghiệp đó là Công ty có được bộ máy tổ chức ổn định, đội ngũ CBCNV có trình độ tương đối đồng đều, nhất là khối lao động gián tiếp; đời sống người lao động luôn được đảm bảo giúp ổn định tư tưởng, an tâm công tác và gắn bó lâu dài với Công ty.

12.2 Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản nêu trên, hoạt động SXKD của hệ thống công tyvẫn còn gặp phải một số khó khăn đó là:

- Trong khi nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh là rất lớn nhưng lãi suất vay tăng cao, tỷ giá USD biến động… từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty đang mất dần ưu thế do có sự tham gia của nhiều thành phần, tính cạnh tranh trở nên gay gắt ở cả trong và ngoài nước.
- Việc thực hiện chủ trương thu mua lúa, gạo tạm trữ từng lúc Công ty phải chịu lỗ.
- Giá xăng dầu biến động liên tục.
- Lĩnh vực chế biến, xuất khẩu thủy sản đóng hộp gặp nhiều khó khăn do nguồn nguyên liệu đầu vào ngày càng khan hiếm, thiếu ổn định;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản vẫn còn khó khăn dothị trường bất động sản đang chững lại; hoạt động đầu tư tài chính đạt hiệu quả thấp do các công ty thành viên cũng gặp các khó khăn riêng…

13. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

- Là đơn vị nhà nước hoạt động lâu năm trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Được sự quan tâm và hỗ trợ của UBND và các ban ngành trong tỉnh.
- Là đơn vị đầu ngành của tỉnh Kiên Giang trong hoạt động kinh doanh xăng dầu và xuất khẩu gạo.
- Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xuất khẩu gạo – ngành truyền thống của các công ty thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long.
- Công ty có mối quan hệ lâu năm, bền chặt với nhiều doanh nghiệp đầu ngành trong việc cung cấp nguyên vật liệu đầu vào như: xăng dầu; lúa, gạo…
- Sản phẩm cá hộp của Công ty được xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới như: thị trường EU; Mỹ, Canada, Trung Đông, Châu Phi, Hàn Quốc, Hồng Kông, Singapore…

VI. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2015) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Bảng số : Tình hình sản xuất kinh doanh trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	**408.235.667.307**	**140.290.537.380**	**267.945.129.927**
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	226.088.510.517	62.566.610.089	163.521.900.428
▪ Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	29.961.372.596	20.085.744.268	9.875.628.328
▪ Máy móc thiết bị	150.906.985.261	56.714.997.751	94.191.987.510
▪ Thiết bị quản lý	1.278.798.933	923.185.272	355.613.661
2. Tài sản cố định vô hình	**76.526.202.872**	**250.274.612**	**76.275.928.260**
▪ Quyền sử dụng đất	76.496.202.872	220.274.612	76.275.928.260
▪ Phần mềm kế toán	30.000.000	30.000.000	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2015 của KTC

2. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

- **Vốn chủ sở hữu:** **319.730.237.209 đồng**

  Trong đó:

  - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 254.383.671.160 đồng
  - Quỹ đầu tư phát triển: 65.346.566.049 đồng
- **Quỹ khen thưởng, phúc lợi:** **6.794.683.379 đồng**
- **Các khoản phải thu:** **245.178.695.909 đồng**
  - Phải thu ngắn hạn: 245.178.695.909 đồng
  - Phải thu dài hạn: 0 đồng
- **Nợ phải trả:** **769.647.700.678 đồng**
  - Nợ ngắn hạn: 635.605.170.678 đồng
  - Nợ dài hạn: 134.056.900.000 đồng

VII. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI, NHÀ XƯỞNG

Bảng số : Thực trạng quản lý và sử dụng đất

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1.1	Kho xăng dầu An Hoà	Số 58 Trần Quý Cáp, KP6, P.An Hoà, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	7.611,2 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất xây dựng	
1.2	Cơ sở giết mổ gia cầm	Số 58 Trần Quý Cáp, KP6, P.An Hoà, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	3.068,8 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
2	Kho xăng dầu Thọ Phước	QL 80, xã Mong Thọ B, H.Châu Thành, Kiên Giang	50.621,0 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
3	Kho xăng dầu Phú Quốc	Đường Phan Đình Phùng, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, Kiên Giang	13.877,5 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
4.1	Cửa hàng xăng dầu số 07	Cảng Tắc Cậu, xã Bình An, H.Châu Thành, Kiên Giang	1.307,5 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
4.2	Kho xăng dầu Bình An	Cảng Tắc Cậu, xã Bình An, H.Châu Thành, Kiên Giang	4.507,8 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
5	Cửa hàng xăng dầu số 30	Nguyễn Trung Trực, KP5, P.Vĩnh Lạc, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	2.292,6 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất xây dựng	
6	Cửa hàng xăng dầu Bạch Đằng	Bạch Đằng, KP2, TT. Dương Đông, H.Phú Quốc, Kiên Giang	191,7 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
7	Cửa hàng xăng dầu Bạch Đằng	Đường Bạch Đằng, KP2, TT Dương Đông, huyện Phú Quốc, Kiên Giang	68,8 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
8	Cửa hàng xăng dầu Hàm Ninh	Ngã ba số 10, ấp Rạch Hàm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, Kiên Giang	2454,2 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
9	Cửa hàng xăng dầu số 3	Số 636 đường Nguyễn Trung Trực, KP5, P.Vĩnh Lạc, Kiên	1.417,8 m2	Thuê đất trả tiền	Đất xây dựng	

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
		Giang		hàng năm		
10	Cửa hàng xăng dầu số 8	Khu Cảng du lịch Rạch Giá, P.Vĩnh Thanh, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	410,0 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
11	Cửa hàng xăng dầu số 24	QL 80, ấp Công Tre, TT.Kiên Lương, H.Kiên Lương, Kiên Giang	3106,9 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
12	Cửa hàng xăng dầu số 28	Ấp Kinh 9, TT.Tân Hiệp, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	450,6 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
13	Nhà máy chế biến thực phẩm đóng hộp	Cảng Tắc Cậu, xã Bình An, H.Châu Thành, Kiên Giang	14.635,3 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
14	Kho Ngô Quyền	Số 258 Ngô Quyền, P.Vĩnh Bảo, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	738,4 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
15.1	Cửa hàng xăng dầu số 2	Số 21 Nguyễn Bỉnh Khiêm, P.Vĩnh Thanh, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	177,2 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất thương mại, dịch vụ	
15.2	Cửa hàng xăng dầu số 2	Số 23 Nguyễn Bỉnh Khiêm, P.Vĩnh Thanh, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	256,7 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất thương mại, dịch vụ	
16.1	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	1.427,9 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	384,9 m2 thổ cư nông thôn; 1.043,0 m2 đất vườn	
16.2	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	1.427,9 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất thổ cư nông thôn 384,9 m2 thổ cư nông thôn; 1.043,0 m2 đất vườn	

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
16.3	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	1.430,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất lâu năm khác 1.143,0 m2; đất ở nông thôn 300,0 m2	
16.4	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	27.457,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	
16.5	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	2.886,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	
16.6	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	9.405,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	
16.7	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	5.165,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	
16.8	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	2.786,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất lâu năm khác 200m2; đất nuôi trồng thuỷ sản 2.586 m2	
16.9	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	4.325,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	
17	Cửa hàng xăng dầu số 10	QL 60, ấp Sư Nam, TT.Hòn Đất, H.Hòn Đất, Kiên Giang	1.790,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất lâu năm khác 200m2; đất cây lâu năm khác 1.590,0 m2	
18	Cửa hàng xăng dầu số 12	KP3, Phường Vĩnh Thông, T.P Rạch Giá, Kiên Giang	489,9 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 266,5 m2; đất	

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
					cây lâu năm 222,5 m2	
19	Cửa hàng xăng dầu 25	Khu phố III, P.Tô Châu, TX Hà Tiên, Kiên Giang	2.740,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
20	Cửa hàng xăng dầu số 26	Ấp Bình Thuận, xã Bình Sơn, H.Hòn Đất, Kiên Giang	2.714,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 300 m2; đất cây lâu năm 2.414,0 m2	
21	Cửa hàng xăng dầu số 27	Ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, H.Hòn Đất, Kiên Giang	2.972,7	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 490 m2; đất cây lâu năm 2.482,7 m2	
22.1	Cửa hàng xăng dầu số 29	Ấp kênh 8 Thước, TT.Kiên Lương, H.Kiên Lương, Kiên Giang	1.939,3 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất kinh doanh	
22.2	Cửa hàng xăng dầu số 29	Ấp kênh 8 Thước, TT.Kiên Lương, H.Kiên Lương, Kiên Giang	1.525,6 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất cây lâu năm	
23	Cửa hàng xăng dầu số 33	Ấp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hoà Hiệp, H.Châu Thành, Kiên Giang	2,078.0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 200 m2; đất cây lâu năm khác 1.879 m2	
24	Cửa hàng xăng dầu số 35	KP4-5, P.Bình San, TX.Hà Tiên, Kiên Giang	562,5 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
25	Cửa hàng xăng dầu số 36	Ấp Bời Lời B, xã Bình Minh, H.Vĩnh Thuận, Kiên Giang	3.884,7 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 300 m2; đất cây lâu năm 3.584,7	

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
					m2	
26	Cửa hàng xăng dầu số 38	Ấp Vĩnh Tây 1, xã Vĩnh Phong, H.Vĩnh Thuận, Kiên Giang	266,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	HLATGT đường thuỷ 126 m2
27	Cửa hàng xăng dầu số 39	KP Minh Phú, TT Minh Lương, H.Châu Thành, Kiên Giang	1.575,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 400 m2; đất cây lâu năm 1.175 m2	
28	Cửa hàng xăng dầu 67,5 ha	KP9, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, Kiên Giang	960,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
29	Cửa hàng xăng dầu Hùng Vương	KP1, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc,	341,5 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
30.1	Nhà máy chế biến gạo XK Giồng Riềng PX1	Ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, H.Giồng Riềng, Kiên Giang	4.440,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
30.2	Nhà máy chế biến gạo XK Giồng Riềng PX1	Ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, H.Giồng Riềng, Kiên Giang	1.260,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất trồng cây lâu năm	HLATGT đường thuỷ 1.260 m2
30.3	Nhà máy chế biến gạo XK Giồng Riềng PX1	Ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, H.Giồng Riềng, Kiên Giang	3.894,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
31	Nhà máy chế biến gạo XK Giồng Riềng PX2	Ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, H.Giồng Riềng, Kiên Giang	14.400,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	HLATGT đường thuỷ 960 m2
32	Xí nghiệp chế biến gạo Tân	Ấp Tân Thịnh, xã Tân Hiệp A,	22.318,2 m2	Giao đất có thu	Đất sản xuất, kinh	HLATG

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
	Hiệp Kênh 9	H.Tân Hiệp, Kiên Giang		tiền sử dụng đất	doanh	T đường thuỷ 1.348,0 m2
33.1	Xí nghiệp chế biến gạo Kinh 7	Ấp Đông Thành, xã Thạch Đông A, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	555,2 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
33.2	Xí nghiệp chế biến gạo Kinh 7	Ấp Đông Thành, xã Thạch Đông A, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	2.732,3 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất ở 98m2; đất sản xuất, kinh doanh 1.698,5 m2; đất cây lâu năm 935,7 m2	HLATG T đường thuỷ 1.033,8 m2
34.1	Trụ sở công ty	Số 192 Trần Phú, P.Vĩnh Thành Vân, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	71,26 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
34.2	Trụ sở công ty	Số 186-188-190 Trần Phú, P.Vĩnh Thành Vân, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	252,7 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
35.1	Khu dân cư Kinh 5	Ấp Đông Thọ A, xã Thạnh Trị, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	76,1 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
35.2	Khu dân cư Kinh 5	Ấp Đông Thọ A, xã Thạnh Trị, H.Tân Hiệp, Kiện Giang	75,8 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất ở nông thôn	Đất dự án
35.3	Khu dân cư Kinh 5	Ấp Đông Thọ A, xã Thạnh Trị, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	72,3 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất ở nông thôn	Đất dự án
36	Ụ tàu An Hoà	Số 11 Nhật Tảo, Kp4, P.An Hoà, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	Tổng 23.588,6 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	
37	Nhà chế biến gạo Tân Hiệp Kênh 9	Ấp Tân Thịnh, xã Tân Hiệp A, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	13.551 m2	Công ty nhận chuyển nhượng	Đất lúa	

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
38	Cửa hàng xăng dầu Hà Tiên	QL80, phường Tô Châu, TX.Hà Tiên, Kiên Giang	2.720 m2	Công ty nhận chuyển nhượng 2003	Đất cơ sở kinh doanh	
39	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, xã Vĩnh Hoà Hiệp, H.Châu Thành, Kiên Giang	1.560 m2	Công ty nhận chuyển nhượng	Đất lúa	
40	Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại	Số 30 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	846,6 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất xây dựng	
41	Chợ biên giới	Xã Mỹ Đức, TX.Hà Tiên, Kiên Giang	14.481,7 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất kinh doanh	
42	Trạm đại diện 1 – Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại	211/141 Nguyễn Trãi, P.Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp.HCM	63,5 m2	Công ty nhận chuyển nhượng	Đất sản xuất kinh doanh	
TỔNG CỘNG			**294.313.7 m2**			

Nguồn: KTC

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. MỤC TIÊU CỔ PHẦN HOÁ

Theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và chủ trương của UBND tỉnh Kiên Giang về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang nhằm các mục tiêu:

- Nhằm tổ chức Công ty theo hướng chuyên môn hoá cao, khai thác tiềm năng thế mạnh của tỉnh. Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mai Kiên Giang hoạt động theo mô hình công ty mẹ – công ty con là bước vận dụng trong công tác đổi mới phát triển doanh nghiệp, gắn với chủ trương đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và cơ chế quản lý doanh nghiệp. Tập trung nguồn lực về vốn kinh doanh phát huy ngành nghề truyền thống Công ty có lợi thế như: Xuất khẩu gạo, kinh doanh xăng dầu… huy động vốn các nhà đầu tư trong xã hội để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý, xây dựng thương hiệu, hội nhập trong tình hình đất nước có nhiều chuyển biến trên thị trường quốc tế, nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp; đảm bảo hài hoà lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

II. ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI ĐỂ CỔ PHẦN HOÁ

- Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang là công ty trực thuộc Uỷ Ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang. Do đó, Công ty thường xuyên nhận được sự hỗ trợ và chỉ đạo sâu sát từ Ủy ban. Đây sẽ là điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.

- Bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty được cơ cấu theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được sắp xếp phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty. Điều này đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho công ty cổ phần trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị về mặt nhận thức đối với quá trình chuyển đổi, đồng thời, công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên cũng được thực hiện chu đáo, giúp cho quá trình cổ phần hoá công ty sẽ được diễn ra thuận lợi và thành công.

- Quyết tâm cao của toàn thể cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo Công ty trong việc thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động của Công ty sang công ty cổ phần.

III. HÌNH THỨC CỔ PHẦN HOÁ

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, Công ty chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần là "***Bán bớt một phần vốn Nhà nước***".

IV. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG**
- Tên tiếng Anh: **KIEN GIANG TRADINGJOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch: **KTC**
- Tên viết tắt : **KTC**
- Trụ sở chính : Số 190 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : 077. 3862113
- Fax : 077. 3866080
- Website : www.ktcvn.com.vn
- Logo công ty:

2. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa:

Công ty dự kiến không thay đổi ngành nghề kinh doanh so với trước đây

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Khai thác thủy sản	03110

2	Nuôi trồng thủy sản biển	03210
3	Nuôi trồng thủy sản nước lợ	03221
4	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	03222
5	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
7	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
8	Xay xát, bao gồm: đánh bóng gạo	10611
9	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	10800
10	Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	11041
11	Cưa, xẻ, bào và bảo quản gỗ	1610
12	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ	16291
13	Đóng tàu và cấu kiện nổi	30110
14	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	33150
15	Sản xuất nước đá	35302
16	Xây dựng nhà các loại	41000
17	Xây dựng công trình đường bộ	42102
18	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	42900
19	Phá dỡ	43110
20	Chuẩn bị mặt bằng	43120
21	Lắp đặt hệ thống điện	43210
22	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
23	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	43290
24	Hoàn thiện công trình xây dựng	43300
25	Hoạt động xây dựng khác	43900
26	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
27	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
28	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	45200
29	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
30	Đại lý	46101

31	Môi giới	46102
32	Bán buôn thóc, ngô và các hạt ngũ cốc khác	46201
33	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác	46209
34	Bán buôn gạo	46310
35	Bán buôn thực phẩm	4632
36	Bán buôn đồ uống	4633
37	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	465
38	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
39	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan	46613
40	Bán buôn tổng hợp	46900
41	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống…	4711
42	Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	47191
43	Bán lẻ khác chưa phân vào đâu trong các của hàng kinh doanh tổng hợp	47199
44	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống… trong các cửa hàng chuyên doanh	472
45	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	47300
46	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm	47411
47	Bán lẻ thiết bị viễn thông	47412
48	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn	47420
49	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752
50	Vận tải hành khách bằng xe taxi	49312
51	Vận tải hành khách bằng xe đạp, xe xích lô và xe thô sơ khác	49319
52	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
53	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
54	Vận tải hành khách ven biển và hải dương	5011
55	Vận tải hàng hóa ven biển và hải dương	5012
56	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
57	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

58	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan	52101
59	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)	52102
60	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác	52109
61	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	52219
62	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
63	Khách sạn	55101
64	Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn	55102
65	Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn	55103
66	Cơ sở lưu trú khác	5590
67	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	56101
68	Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	56109
69	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác	562
70	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
71	Hoạt động viễn thông không dây	61200
72	Hoạt động viễn thông khác	61300
73	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	62090
74	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán	66120
75	Kinh doanh bất động sản	68100
76	Đại lý du lịch	79110
77	Điều hành tua du lịch	79120
78	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	79200
79	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	82200
80	Hoạt động vui chơi giải trí khác	932
81	Thu đổi ngoại tệ; góp vốn, mua cổ phần và các hoạt động kinh doanh khác theo pháp luật quy định	

(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

3. Cơ cấu tổ chức quản lý sau cổ phần hóa

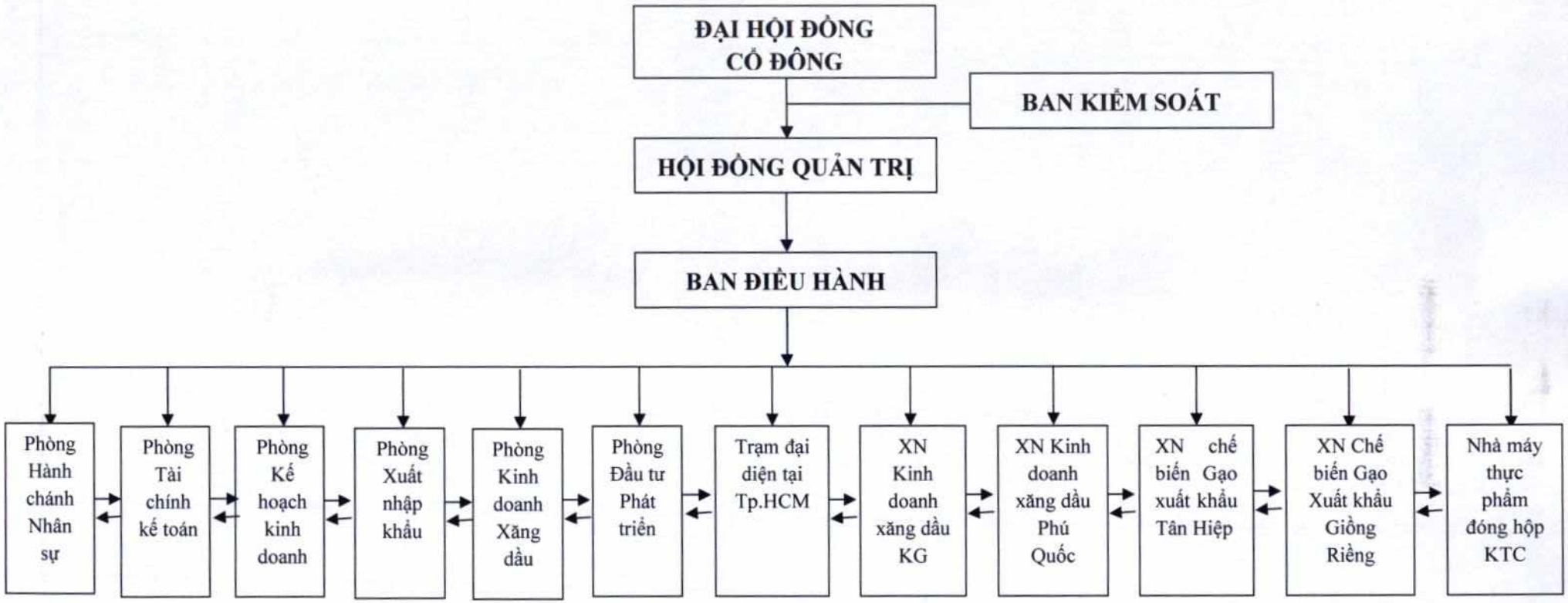

Ghi chú:

Sau cổ phần hóa, theo tình hình thực tế công ty sẽ thay đổi mô hình hoạt động phù hợp với loại hình công ty cổ phần. Sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động của các phòng ban và các bộ phận chức năng không có sự thay đổi so với trước cổ phần hóa.

4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 của Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang là **1.134.386.039.663đồng** (*Một nghìn một trăm ba mươi tư tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu không trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi ba đồng).*

- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang tại thời điểm 31/12/2015 để cổ phần hóa là: 364.738.338.985 đồng (Ba trăm sáu mươi tư tỷ bảy trăm ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi tám ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng).

- Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của KTC tại thời điểm 31/12/2015 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Bảng số : Bảng tổng hợp kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III)	**1.089.377.937.886**	**1.134.386.039.663**	**45.008.101.776**
I. Tài sản dài hạn	**502.916.171.625**	**568.817.218.046**	**65.901.046.420**
1. Tài sản cố định	362.703.540.629	410.973.453.389	48.269.912.759
1.1. TSCĐ hữu hình	267.945.129.927	296.184.388.473	28.239.258.546
- Nhà cửa vật kiến trúc	162.149.516.595	179.535.572.040	17.386.055.446
- Máy móc thiết bị	95.517.739.782	100.450.379.555	4.932.639.773
- Phương tiện vận tải	9.924.614.745	15.688.273.280	5.763.658.535
- Thiết bị văn phòng	353.258.805	510.163.598	156.904.793
1.2. Tài sản vô hình	76.275.928.260	96.306.582.473	20.030.654.213
1.3. Chi phí XDCB dở dang	18.482.482.443	18.482.482.443	-
2. Các khoản phải thu dài hạn			
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	135.577.151.785	150.950.125.171	15.372.973.386
- Đầu tư vào công ty con	53.028.210.000	63.014.121.124	9.985.911.124

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	64.966.189.527	64.215.268.996	(750.920.531)
- Đầu tư dài hạn khác	30.081.914.400	23.720.735.050	(6.361.179.350)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán Đầu tư dài hạn	(12.499.162.142)	-	12.499.162.142
4. Tài sản dài hạn khác	4.635.479.211	6.893.639.486	2.258.160.275
- Chi phí trả trước dài hạn	4.635.479.211	5.909.988.275	1.274.509.065
- Công cụ dụng cụ	-	983.651.211	983.651.211
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	**586.461.766.261**	**565.568.821.617**	**(20.892.944.644)**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	42.255.979.521	42.255.982.794	3.273
- Tiền	42.255.979.521	42.255.982.794	3.273
- Các khoản tương đương Tiền	-	-	-
2. Các khoản ĐTTC ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	245.178.695.909	224.315.893.992	(20.862.801.917)
- Phải thu khách hàng	182.009.487.225	168.139.559.473	(13.869.927.752)
- Trả trước cho người bán	114.649.633.458	112.954.933.458	(1.694.700.000)
- Các khoản Phải thu khác	21.107.473.164	15.469.313.181	(5.638.159.983)
- Dự phòng Các khoản Phải thu khó đòi	(73.256.700.625)	(72.916.714.807)	339.985.818
- Tài sản thiếu chờ xử lý	668.802.687	668.802.687	-
4. Hàng tồn kho	289.809.279.674	289.779.133.674	(30.146.000)
- hàng tồn kho	289.809.279.674	289.779.133.674	(30.146.000)
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	9.217.811.157	9.217.811.157	0
- Chi phí trả trước ngắn hạn	1.494.010.219	1.494.010.219	
- Thuế GTGT được khấu trừ	7.723.800.938	7.723.800.938	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	-	-	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)			

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (Mục A)	**1.089.377.937.886**	**1.134.386.039.663**	**45.008.101.777**
E1. Nợ thực tế phải trả	**769.647.700.678**	**769.647.700.678**	**-**
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	**-**	**-**	**-**
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	**319.730.237.208**	**364.738.338.985**	**45.008.101.777**

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015

Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp, gồm:

1. Tài sản không cần dùng: **0 đồng.**

2. Tài sản chờ thanh lý: **0 đồng.**

5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa, vốn điều lệ của Công ty dự kiến như sau:

- Vốn điều lệ Công ty : **364.738.330.000đồng**
- Mệnh giá một cổ phần : **10.000đồng**
- Số lượng cổ phần :**36.473.833 cổ phần**

Cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần dự kiến như sau:

Bảng số : Cơ cấu vốn điều lệ công ty cổ phần

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước	17.872.178	178.721.780.000	49,00%
2	CBCNV mua ưu đãi	569.900	5.699.000.000	*1,56%*
2.1	*Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước*	*340.700*	*3.407.000.000*	*0,93%*
2.2	*Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần*	*229.200*	*2.292.000.000*	*0,63%*
3	Công đoàn Công ty	60.000	600.000.000	0,17%

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
4	Nhà đầu tư chiến lược	12.765.842	127.658.420.000	35,00%
5	Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá	5.205.913	52.059.130.000	14,27%
Tổng cộng		**36.473.833**	**364.738.330.000**	**100%**

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

6. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

6.1 *Phương thức bán cổ phần lần đầu*

Việc bán cổ phần lần đầu của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang được áp dụng sau khi phương án cổ phần hoá được phê duyệt quy định tại Điều 37 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 6, Điều 7 Thông tư số 196/2011/TT-BTC.

6.2 *Đối tượng mua cổ phần*

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên của Công ty, nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

6.1.1 Cổ phần bán cho CBCNV

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

a. Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là "*Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các*

nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)". Cụ thể:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 16/12/2016 (thời điểm UBND tỉnh Kiên Giang công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang để cổ phần hóa) là: **448**người.
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **448**người.
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước:**3.407**năm.
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là**340.700 cổ phần** với tổng mệnh giá là**3.407.000.000đồng** chiếm **0,93%** vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng và bán cho nhà đầu tư chiến lược.
- Giá bán: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

b. Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là "*Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*".

Theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 thì người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất 03 năm thì được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau:"*Mua thêm theo mức 200 cổ*

phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động".

- *"Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động".*

Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là *"Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước). Mỗi một người lao động chỉ được hưởng quyền mua thêm cổ phần ưu đãi theo một mức xác định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP."*

- Tiêu chí xác định người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao bao gồm:
  - Là thành viên HĐTV, Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng của Công ty;
  - Cán bộ có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, đã có thời gian đảm nhiệm vị trí tối thiểu 03 năm, có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty;
  - Cán bộ - Công nhân viên có trình độ Đại học trở lên, thời gian công tác tại Công ty tối thiểu là 05 năm và hoàn thành tốt nhiệm vụ 05 năm liên tục.

Công ty có**114** CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là **229.200 cổ phần,** tương ứng tổng mệnh giá là **2.292.000.000đồng** chiếm**0,63%** vốn điều lệ công ty cổ phần.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.

Giá bán: bằng giá đấu thành công thấp nhất.

Danh sách mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên và đăng ký mua thêm theo cam kết thời gian làm việc tại công ty cổ phần theo Phụ lục đính kèm.

6.1.2. Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn

Tổ chức Công đoàn Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang đăng ký mua **60.000 cổ phần**; tương đương **600.000.000 đồng**.

Giá bán: Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

6.1.3. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

Tổng số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược là **12.765.842 cổ phần**, tương ứng **127.658.420.000 đồng**, chiếm **35%** vốn điều lệ của công ty cổ phần.

a. Tiêu chí cổ đông chiến lược

Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì *"Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm"*. Dựa trên quy định này, UBND tỉnh Kiên Giang đã ra Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2016 về việc phê duyệt tiêu chí, trình tự lựa chọn, phương thức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược tham gia cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang.Các tiêu chí để lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thoả mãn các tiêu chí sau:

a1. Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

a2. Có năng lực tài chính (thể hiện qua báo cáo tài chính có xác nhận của cơ quan kiểm toán hai năm gần nhất)

a3. Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hoá về: Đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

a4. Có cam kết bằng văn bản sử dụng lao động theo Phương án cổ phần hoá được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tối thiểu 05 năm, bảo đảm tính ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động

a5. Số lượng nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Du lịch – Thương mại Kiên Giang tối đa là 03 nhà đầu tư.

a6. Nhà đầu tư chiến lược phải có cam kết bằng văn bản không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày công ty cổ phần được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Sau thời hạn 05 năm nhà đầu tư chiến lược được phép chuyển nhượng cổ phần theo quy định – ưu tiên quyền mua cho cổ đông hiện hữu.

a7. Trường hợp nhà đầu tư chiến lược không thực hiện đúng cam kết, vi phạm hạn chế chuyển nhượng theo quy định thì phải bồi thường mọi tổn thất xảy ra theo đúng hợp đồng cam kết và quy định của pháp luật hiện hành.

a8. Nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc ngay 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt ngay khi nộp hồ sơ đăng ký. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại tiền đặt cọc.

a9. Các nội dung khác thực hiện theo quy định hiện hành.

b. Giá cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược:

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì: *"Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được xác định theo nguyên tắc:*

- *Đối với trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.*

- *Đối với trường hợp thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược có đủ tiêu chuẩn và đã thực hiện đăng ký mua trước khi thực hiện đấu giá công khai là giá thỏa thuận giữa các bên (trường hợp thỏa thuận) hoặc là giá đấu thành công (đối với trường hợp đấu giá) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt."*

Giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp hoặc tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo quy định pháp luật hiện hành.

Nhà đầu tư chiến lược sẽ tiến hành nộp tiền đặt cọc vào tài khoản phong tỏa của Công ty. Số tiền nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc tương ứng với 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (trong trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước khi bán đấu giá ra công chúng) hoặc 10% giá đấu thành công thấp nhất (trong trường hợp bán cổ phần ra công chúng trước). Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư chiến lược không được nhận lại tiền cọc.

c. Quy định về hạn chế chuyển nhượng:

Theo quy định tại Tiết c, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì: "*Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận*".

6.1.4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổng số lượng cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài: 5.205.913 **cổ phần**, tương ứng 52.059.130**.000 đồng**, chiếm **14,27%** vốn điều lệ của công ty cổ phần.
- Giá khởi điểm là **10.200** đồng/cổ phần.
- Thời gian bán đấu giá: **Dự kiến tháng 02/2017 và tháng 03/2017,** sau khi có Quyết định của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang thành công ty cổ phần.Tổ chức thực hiện bán đấu giá: **Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**.

- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước theo quy định của pháp luật.

7. Loại cổ phần và phương thức phát hành

7.1 *Loại cổ phần*

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

7.2 *Phương thức phát hành*

- Việc bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách đã được phê duyệt.
- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách đã được phê duyệt.
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá dự kiến được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

8. Chi phí cổ phần hóa

Chi phí cổ phần hóa của Công ty dự kiến bao gồm các khoản mục chính sau:

Bảng số : Chi phí cổ phần hóa

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ *(Đồng)*
A.	**Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp**	**-**
B.	**Thuê các Đơn vị có chức năng thực hiện các công việc liên quan**	**300.000.000**
1	Thuê đơn vị tư vấn thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí đo vẽ, thẩm định chất lượng nhà cửa vật kiến trúc) và tư vấn xây dựng Phương án cổ phần hoá	220.000.000
2	Thuê Đơn vị tư vấn tổ chức bán đấu giá và tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu	80.000.000
C.	**Chi phí hoạt động và thù lao Ban chỉ đạo CPH và Tổ giúp việc**	**160.000.000**
D.	**Các chi phí khác có liên quan công tác cổ phần hóa**	**40.000.000**
	TỔNG CỘNG	**500.000.000**

Ghi chú:

(*) Căn cứ Thông tư số 82/2009/TT-BTC ngày 27/04/2009 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần, lệ phí bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM là 0,3% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được và tối đa không vượt quá 300 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần.

Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

Trường hợp sau khi quyết toán, nếu chi phí cổ phần hoá thực tế phát sinh vượt qui định tại khoản 4 điều 12, thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011, Công ty kiến nghị UBND tỉnh và Ban chỉ đạo Đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh cho trích từ nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp để thanh toán bổ sung theo thực tế phát sinh.

9. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm**10.200 đồng/cổ phần** và giá đấu thành công thấp nhất là **10.200 đồng/cổ phần**, chi tiết như sau:

Bảng số : Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ bán cổ phần

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước		Số cổ phần	Đơn giá	Số tiền (đồng)
1	**Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại**	**(a)**			**364.738.338.985**
2	**Vốn điều lệ Công ty cổ phần**	**(b)**	**36.473.833**	**10.000**	**364.738.330.000**
4	**Vốn nhà nước để lại công ty cổ phần**	**(c)**	**17.872.178**	**10.000**	**178.721.780.000**
3	**Vốn nhà nước bán ra ngoài**	**(d)**	**18.601.655**	**10.000**	**186.016.550.000**
3	**Tiền thu từ cổ phần hoá**	**(e)**			**188.102.025.000**
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		569.900		4.422.924.000

	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước		*340.700*	*6.120*	*2.085.084.000*
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần		*229.200*	*10.200*	*2.337.840.000*
3.2	Thu từ bán cho tổ chức Công đoàn		60.000	*6.120*	*367.200.000*
3.3	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược		12.765.842	*10.200*	*130.211.588.400*
3.4	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		5.205.913	*10.200*	*53.100.312.600*
4	**Giá trị mệnh giá cổ phần bán ra ngoài**				**186.016.550.000**
5	**Chênh lệch tiền bán cổ phần và vốn nhà nước**	**(f) = (e) – (d)**			**2.085.475.000**
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(g)			500.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	(h)			715.699.779
8	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ				-
Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp					**186.886.334.206**

Công ty sẽ thực hiện sử dụng tiền thu được từ cổ phần hoá và hoàn tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành.

V. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG

1. Phương án sử dụng lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

Bảng số : Phương án sắp xếp lao động

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	**Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa**	**448**	

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Thành viên HĐTV, Chủ tịch HĐTV, Kiểm soát viên, Giám đốc, KTT)	7	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	438	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	*192*	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng	*134*	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ thời vụ	*111*	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	4	
II	**Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa**	**16**	
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	5	
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:	11	
	- Hết hạn HĐLĐ	-	
	- Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	-	
	- Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	*11*	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp CPH, chia ra:	16	
	- Số lao động dôi dư thực hiện theo NĐ số 63/2015/NĐ-CP	16	
	- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	-	
III	**Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần**	**432**	
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	431	
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ BHXH, chia ra:	-	
	- Ốm đau	-	
	- Thai sản	-	
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	-	
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, chia ra:	1	
	- Nghĩa vụ quân sự	-	

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
	- Nghĩa vụ công dân khác	-	
	- Bị tạm giam, tạm giữ	-	
	- Do 2 bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	1	

Nguồn: KTC

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:

Bảng số : Phân loại lao động cổ phần hóa

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo loại hợp đồng lao động	**432**	**100%**
- Không thuộc diện ký HĐLĐ	7	1,61%
- Hợp đồng không thời hạn	182	42,03%
- Hợp đồng thời hạn từ 03 tháng đến 3 năm	132	30,48%
- Hợp đồng thời vụ	111	25,87%
Phân theo giới tính	**432**	**100%**
- Nam	280	64,67%
- Nữ	152	35,33%

Nguồn: KTC

(Danh sách lao động dôi dư và lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần theo Phụ lục đính kèm).

2. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư

2.1 *Đối tượng lao động dôi dư:*

Công ty áp dụng theo quy định sau:

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP;

- Nghị định 63/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

- Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu.

- Tại thời điểm chuyển đổi, Công ty TNHH MTV Du lịch – Thương mại Kiên Giang có **tổng cộng 16 người lao động không bố trí được việc làm**. Trong đó, có 05 lao động sẽ giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, 11 người sẽ thực hiện chấm dứt HĐLĐ và được hưởng các chính sách đối với người lao động mất việc theo quy định tại Nghị định 63/2015/NĐ-CP.

2.2 *Chế độ chính sách và nguồn chi trả trợ cấp cho lao động dôi dư:*

Căn cứ nghị định 63/2015/NĐ/CP ngày 22/07/2015 của Chính Phủ, người lao động dôi dư được hưởng các chế độ như sau:

2.2.1 Đối với lao động được tuyển dụng trước ngày 21/04/ 1998

- Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi nam từ đủ 55 đến đủ 59 tuổi, nữ từ đủ 50 đến đủ 54 tuổi và có đủ 20 năm đóng Bảo hiểm xã hội trở lên thì được hưởng các khoản sau:
    - Được hưởng lương hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội (không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi).
    - Trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm (đủ 12 tháng, không kể tháng lẻ) nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định của Luật Bảo hiểm xã hội (nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi).
    - Hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định cho mỗi năm làm việc có đóng Bảo hiểm xã hội.

- Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi nam trên 59 đến dưới 60 tuổi, nữ trên 54 đến dưới 55 tuổi và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên thì được hưởng các khoản sau:

- Được hưởng lương hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội (không bị trừ tỷ lệ lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi).
- Hỗ trợ 0,5 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định cho mỗi năm làm việc có đóng Bảo hiểm xã hội.

- Đối tượng được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 và dưới 55 tuổi đối với nam, dưới 50 tuổi đối với nữ, được hưởng các chế độ sau:
  - Trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Điều 49 của Bộ Luật Lao động;
  - Hỗ trợ một khoản tiền cho mỗi năm làm việc tại công ty như sau:
    - Mức 1,5 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với người lao động có thời gian làm việc dưới 20 năm;
    - Mức 0,5 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với người lao động có thời gian làm việc từ đủ 20 năm đến dưới 25 năm;
    - Mức 0,2 tháng lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với người lao động có thời gian làm việc từ đủ 25 năm trở lên.

2.1.2 Đối với lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau:

- Trợ cấp mất việc làm theo theo quy định tại Điều 49 Bộ Luật lao động, mỗi năm làm việc thực tế trả 01 tháng tiền lương theo hệ số lương bình quân 6 tháng trước khi nghỉ việc nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương. Thời gian làm việc thực tế để tính trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế tại công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

Nguồn chi trả:

a. Nguồn chi trả cho lao động dôi dư:

- Căn cứ Điều 42 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần:
  - *Số tiền thu được từ cổ phần hoá doanh nghiệp được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hoá và chi giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư khi thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp theo chế độ nhà nước quy định*

của cơ quan có thẩm quyền. Số tiền thu từ bán phần vốn còn lại (bao gồm cả chênh lệch giá bán cổ phần) sau khi trừ các khoản chi theo quy định sẽ được nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Uỷ ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Trường hợp tiền thu từ cổ phần hoá tại doanh nghiệp không đủ giải quyết chính sách cho người lao động dôi dư thì được bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Uỷ ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

b. Nguồn chi trả cho lao động chấm dứt HĐLĐ:

- Được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Phương án phân chia Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

- Căn cứ Điều 19 Nghị định 59/2011/NĐ-CP quy định *" Số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, sau khi bù đắp các khoản đã chi vượt quá chế độ cho người lao động, được chia cho người lao động đang làm việc ở doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo số năm công tác tại doanh nghiệp cổ phần hóa"*

Công ty thực hiện việc phân chia quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT

- Căn cứ Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 02/08/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt phương án sử dụng đất để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang.

- Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 02/08/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt phương án sử dụng đất tại 2 cơ sở nhà đất tại Tp.HCM.

- Chi tiết phương án sử dụng đất của Công ty sau cổ phần hóa như sau:

Bảng số : Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1.1	Kho xăng dầu An Hoà	Số 58 Trần Quý Cáp, KP6, P.An Hoà, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	7.611,2 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất xây dựng	
1.2	Cơ sở giết mổ gia cầm	Số 58 Trần Quý Cáp, KP6, P.An Hoà, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	3.068,8 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
2	Kho xăng dầu Thọ Phước	QL 80, xã Mong Thọ B, H.Châu Thành, Kiên Giang	50.621,0 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
3	Kho xăng dầu Phú Quốc	Đường Phan Đình Phùng, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, Kiên Giang	13.877,5 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
4.1	Cửa hàng xăng dầu số 07	Cảng Tắc Cậu, xã Bình An, H.Châu Thành, Kiên Giang	1.307,5 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
4.2	Kho xăng dầu Bình An	Cảng Tắc Cậu, xã Bình An,	4.507,8 m2	Thuê đất trả tiền	Đất cơ sở sản xuất,	

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
		H.Châu Thành, Kiên Giang		hàng năm	kinh doanh	
5	Cửa hàng xăng dầu số 30	Nguyễn Trung Trực, KP5, P.Vĩnh Lạc, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	2.292,6 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất xây dựng	
6	Cửa hàng xăng dầu Bạch Đằng	Bạch Đằng, KP2, TT. Dương Đông, H.Phú Quốc, Kiên Giang	191,7 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
7	Cửa hàng xăng dầu Bạch Đằng	Đường Bạch Đằng, KP2, TT Dương Đông, huyện Phú Quốc, Kiên Giang	68,8 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
8	Cửa hàng xăng dầu Hàm Ninh	Ngã ba số 10, ấp Rạch Hàm, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, Kiên Giang	2.454,2 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
9	Cửa hàng xăng dầu số 3	Số 636 đường Nguyễn Trung Trực, KP5, P.Vĩnh Lạc, Kiên Giang	1.417,8 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất xây dựng	
10	Cửa hàng xăng dầu số 8	Khu Cảng du lịch Rạch Giá, P.Vĩnh Thanh, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	410,0 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
11	Cửa hàng xăng dầu số 24	QL 80, ấp Công Tre, TT.Kiên Lương, H.Kiên Lương, Kiên Giang	3.106,9 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
12	Cửa hàng xăng dầu số 28	Ấp Kinh 9, TT.Tân Hiệp, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	450,6 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
13	Nhà máy chế biến thực phẩm đóng hộp	Cảng Tắc Cậu, xã Bình An, H.Châu Thành, Kiên Giang	14.635,3 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
14	Kho Ngô Quyền	Số 258 Ngô Quyền, P.Vĩnh Bão, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	738,4 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
15.1	Cửa hàng xăng dầu số 2	Số 21 Nguyễn Bỉnh Khiêm, P.Vĩnh Thanh, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	177,2 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất thương mại, dịch vụ	
15.2	Cửa hàng xăng dầu số 2	Số 23 Nguyễn Bỉnh Khiêm, P.Vĩnh Thanh, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	256,7 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất thương mại, dịch vụ	
16.1	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	1.427,9 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	384,9 m2 thổ cư nông thôn; 1.043,0 m2 đất vườn	
16.2	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	1.427,9 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất thổ cư nông thôn 384,9 m2 thổ cư nông thôn; 1.043,0 m2 đất vườn	
16.3	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	1.430,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất lâu năm khác 1.143,0 m2; đất ở nông thôn 300,0 m2	
16.4	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	27.457,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	
16.5	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	2.886,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
16.6	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	9.405,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	
16.7	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	5.165,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	
16.8	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	2.786,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất lâu năm khác 200m2; đất nuôi trồng thuỷ sản 2.586 m2	
16.9	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, Xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, Kiên Giang	4.325,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất 2 lúa	
17	Cửa hàng xăng dầu số 10	QL 60, ấp Sư Nam, TT.Hòn Đất, H.Hòn Đất, Kiên Giang	1.790,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất lâu năm khác 200m2; đất cây lâu năm khác 1.590,0 m2	
18	Cửa hàng xăng dầu số 12	KP3, Phường Vĩnh Thông, T.P Rạch Giá, Kiên Giang	489,9 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 266,5 m2; đất cây lâu năm 222,5 m2	
19	Cửa hàng xăng dầu 25	Khu phố III, P.Tô Châu, TX Hà Tiên, Kiên Giang	2.740,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
20	Cửa hàng xăng dầu số 26	Ấp Bình Thuận, xã Bình Sơn, H.Hòn Đất, Kiên Giang	2.714,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 300 m2; đất	

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
					cây lâu năm 2.414,0 m2	
21	Cửa hàng xăng dầu số 27	Ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, H.Hòn Đất, Kiên Giang	2.972,7	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 490 m2; đất cây lâu năm 2.482,7 m2	
22.1	Cửa hàng xăng dầu số 29	Ấp kênh 8 Thước, TT.Kiên Lương, H.Kiên Lương, Kiên Giang	1.939,3 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất kinh doanh	
22.2	Cửa hàng xăng dầu số 29	Ấp kênh 8 Thước, TT.Kiên Lương, H.Kiên Lương, Kiên Giang	1.525,6 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất cây lâu năm	
23	Cửa hàng xăng dầu số 33	Ấp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hoà Hiệp, H.Châu Thành, Kiên Giang	2,078.0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 200 m2; đất cây lâu năm khác 1.879 m2	
24	Cửa hàng xăng dầu số 35	KP4-5, P.Bình San, TX.Hà Tiên, Kiên Giang	562,5 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	
25	Cửa hàng xăng dầu số 36	Ấp Bời Lời B, xã Bình Minh, H.Vĩnh Thuận, Kiên Giang	3.884,7 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 300 m2; đất cây lâu năm 3.584,7 m2	
26	Cửa hàng xăng dầu số 38	Ấp Vĩnh Tây 1, xã Vĩnh Phong, H.Vĩnh Thuận, Kiên Giang	266,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	HLATGT đường thuỷ

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
						126 m2
27	Cửa hàng xăng dầu số 39	KP Minh Phú, TT Minh Lương, H.Châu Thành, Kiên Giang	1.575,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh 400 m2; đất cây lâu năm 1.175 m2	
28	Cửa hàng xăng dầu 67,5 ha	KP9, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc, Kiên Giang	960,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
29	Cửa hàng xăng dầu Hùng Vương	KP1, TT.Dương Đông, H.Phú Quốc,	341,5 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
30.1	Nhà máy chế biến gạo XK Giồng Riềng PX1	Ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, H.Giồng Riềng, Kiên Giang	4.440,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
30.2	Nhà máy chế biến gạo XK Giồng Riềng PX1	Ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, H.Giồng Riềng, Kiên Giang	1.260,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất trồng cây lâu năm	HLATGT đường thuỷ 1.260 m2
30.3	Nhà máy chế biến gạo XK Giồng Riềng PX1	Ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, H.Giồng Riềng, Kiên Giang	3.894,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
31	Nhà máy chế biến gạo XK Giồng Riềng PX2	Ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, H.Giồng Riềng, Kiên Giang	14.400,0 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	HLATGT đường thuỷ 960 m2
32	Xí nghiệp chế biến gạo Tân Hiệp Kênh 9	Ấp Tân Thịnh, xã Tân Hiệp A, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	22.318,2 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	HLATGT đường thuỷ 1.348,0 m2

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
33.1	Xí nghiệp chế biến gạo Kinh 7	Ấp Đông Thành, xã Thạch Đông A, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	555,2 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
33.2	Xí nghiệp chế biến gạo Kinh 7	Ấp Đông Thành, xã Thạch Đông A, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	2.732,3 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất ở 98m2; đất sản xuất, kinh doanh 1.698,5 m2; đất cây lâu năm 935,7 m2	HLATGT đường thuỷ 1.033,8 m2
34.1	Trụ sở công ty	Số 192 Trần Phú, P.Vĩnh Thành Vân, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	71,26 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
34.2	Trụ sở công ty	Số 186-188-190 Trần Phú, P.Vĩnh Thành Vân, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	252,7 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
35.1	Khu dân cư Kinh 5	Ấp Đông Thọ A, xã Thạnh Trị, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	76,1 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất, kinh doanh	
35.2	Khu dân cư Kinh 5	Ấp Đông Thọ A, xã Thạnh Trị, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	75,8 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất ở nông thôn	Đất dự án
35.3	Khu dân cư Kinh 5	Ấp Đông Thọ A, xã Thạnh Trị, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	72,3 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất ở nông thôn	Đất dự án
36	Ụ tàu An Hoà	Số 11 Nhật Tảo, Kp4, P.An Hoà, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	Tổng 23.588,6 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	
37	Nhà chế biến gạo Tân Hiệp Kênh 9	Ấp Tân Thịnh, xã Tân Hiệp A, H.Tân Hiệp, Kiên Giang	13.551 m2	Công ty nhận chuyển nhượng	Đất lúa	

STT	Tên thửa đất	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng	Ghi chú
38	Cửa hàng xăng dầu Hà Tiên	QL80, phường Tô Châu, TX.Hà Tiên, Kiên Giang	2.720 m2	Công ty nhận chuyển nhượng 2003	Đất cơ sở kinh doanh	
39	Cửa hàng xăng dầu số 9 – Kim Quy	Ấp Hoà Thuận, xã Vĩnh Hoà Hiệp, H.Châu Thành, Kiên Giang	1.560 m2	Công ty nhận chuyển nhượng	Đất lúa	
40	Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại	Số 30 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang	846,6 m2	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất xây dựng	
41	Chợ biên giới	Xã Mỹ Đức, TX.Hà Tiên, Kiên Giang	14.481,7 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất kinh doanh	
42	Cửa hàng trưng bày sản phẩm	36 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	99,2 m2	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất sản xuất kinh doanh	
43	Trạm đại diện 1 – Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại	211/141 Nguyễn Trãi, P.Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp.HCM	63,5 m2	Công ty nhận chuyển nhượng	Đất sản xuất kinh doanh	

Nguồn: KTC

VII. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Triển vọng phát triển của ngành

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ; trong đó chủ yếu là sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thiết yếu như: gạo; xăng dầu; cá đóng hộp. Đây là ngành nghề có tính chất truyền thống, phù hợp với đặc điểm về điều kiện tự nhiên, khí hậu tại Việt Nam. Bên cạnh đó, ngành nông, ngư nghiệp là những ngành mang tính chiến lược của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.

Việt Nam là quốc gia xuất khẩu gạo lớn thứ 3 thế giới.Chính Phủ rất chú trọng phát triển nông nghiệp, đặc biệt là tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long - vựa lúa của cả nước. Bên cạnh đó, hoạt động xuất khẩu gạo là một trong những lĩnh vực trọng yếu mang lại ngoại tệ, đồng thời đáp ứng cho đảm bảo cho dự trữ lương thực quốc gia nên luôn được Chính Phủ quan tâm và thực hiện các chính sách hỗ trợ.

Vì vậy, tiềm năng phát triển của Công ty là khá lớn.

2. Định hướng phát triển của công ty

Chủ trương của Công ty hiện tại và sau cổ phần hóa là tập trung phát triển kinh doanh ở các lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất khẩu gạo; chế biến đồ hộp xuất khẩu và kinh doanh xăng dầu. Trong đó, Công ty chủ trương nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến công nghệ trong lĩnh vực chế biến đồ hộp xuất khẩu và xuất khẩu gạo nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế; đặc biệt là thị trường EU và thị trường Mỹ. Định hướng và chủ trương của Công ty là phù hợp với chủ trương của Nhà nước trong bối cảnh Việt Nam đã và đang hợp tác sâu rộng và toàn diện về kinh tế với thế giới.

Tập trung và lĩnh vực kinh doanh truyền thống sẽ giúp Công ty có sự ổn định lâu dài và có nền tảng cho sự phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hoá

3.1 *Chiến lược kinh doanh sau cổ phần hóa*

3.1.1 Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu:

- Hợp tác chiến lược với Petrolimex nhằm chiếm lĩnh thị phần tại địa bàn tỉnh Kiên Giang trong lĩnh vực xăng, dầu.
- Mở rộng lĩnh vực kinh doanh xăng dầu các loại trên địa bàn.

- Mở rộng hệ thống bán lẻ qua các kênh cửa hàng vàđại lý.
- Đẩy mạnh kinh doanh xăng dầu thông qua kênh thương mại.

3.1.2 Lĩnh vực xuất khẩu gạo:

- Giữ vững khách hàng và thị trường truyền thống.
- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng và thị trường mới có nhiều tiềm năng.
- Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng và trang bị các dây chuyền chế biến gạo chất lượng cao nhằm thâm nhập vào các thị trường cao cấp.

3.1.3 Lĩnh vực đồ hộp:

- Xây dựng hệ thống thu mua và lưu trữ nguyên liệu nhằmđáp ứng được công suất chế biến của nhà máy.
- Giữ vững khách hàng tại các thị trường truyền thống.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm nhằm mở rộng thị phần tại các thị trường khó tính như EU, Mỹ….
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị các sản phẩm cá sốt cà, phát triểnthương hiệuKTCFOOD nhằm mở rộng thị phầntại thị trường trong nước.

3.2 *Cơ sở xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh*

- Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của các năm trong quá khứ.
- Căn cứ vào số lượng hợp đồng hiện tại và năng lực tiêu thụ của đối tác dự kiến thực hiện trong tương lai.
- Căn cứ vào các hợp đồng hợp tác/ hạn mức quota của Chính phủ cho việc xuất khẩu gạo trong những năm tiếp theo.

3.3 *Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hoá*

Bảng số : Kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KẾ HOẠCH 2017	KẾ HOẠCH 2018	KẾ HOẠCH 2019	KẾ HOẠCH 2020	KẾ HOẠCH 2021
1	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	4.378.143	4.815.957	5.393.872	6.041.137	6.947.308

STT	Chỉ tiêu	KẾ HOẠCH 2017	KẾ HOẠCH 2018	KẾ HOẠCH 2019	KẾ HOẠCH 2020	KẾ HOẠCH 2021
2	Giá vốn hàng bán	4.130.479	4.543.527	5.089.391	5.701.998	6.556.047
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20.000	22.000	24.000	25.000	30.000
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.500	22.000	24.000	25.000	30.000
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.100	4.400	4.800	5.000	6.000
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	16.400	17.600	19.200	20.000	24.000
7	Vốn chủ sở hữu	368.617	368.617	368.617	368.617	368.617
8	ROE	4,45%	4,77%	5,21%	5,43%	6,51%
9	Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) (đồng/CP)	445	477	521	543	651

Nguồn: KTC

(*) Kế hoạch kinh doanh của Công ty được lập trên cơ sở thận trọng và căn cứ số liệu của quá khứ giai đoạn năm 2013 – năm 2015. Công ty có khả năng đạt thu được lợi nhuận cao hơn dự kiến trong tương lai từ hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty. Điều này tùy thuộc vào tình hình thị trường bất động sản và thực tế triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa.

4. Biện pháp thực hiện

4.1 *Hoạt động xuất khẩu gạo:*

- Công ty chủ động tích cực tìm kiếm, mở rộng đối tượng khách hàng và thị trường tiêu thụ. Làm việc với đối tác trong nước nhằm đảm bảo chất lượng gạo đầu vào đạt đủ tiêu chuẩn và chất lượng theo từng loại thị trường.
- Tích cực mở rộng các thị trường tại các nước phát triển: Nhật, Mỹ…
- Thực hiện hàng tồn kho hợp lý, hạn chế tối thiểu việc tồn dư lâu ngày gây thất thoát và kém hiệu quả.

4.2 *Hoạt động kinh doanh xăng dầu:*

- Mục tiêu của Công ty là phát triển hệ thống phân phối xăng dầu khắp tỉnh Kiên Giang và các vùng phụ cận.

- Nghiêm cấm và thực hiện chế độ kiểm tra, xử lý vi phạm các trường hợp gian lận trong công tác đo lường.

4.3 *Hoạt động sản xuất và kinh doanh đồ hộp xuất khẩu*

- Đảm bảo công tác sản xuất thực hiện đúng quy trình và công nghệ nhằm đảm đảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Mở rộng phát triển thị trường ngoài nước.

- Thực hiện công tác quảng bá và tiếp thị sản phẩm trên thị trường quốc tế và Việt Nam.

4.4 *Hoạt động đầu tư*

- Thực hiện theo nhiệm vụ của Đảng. Phần lớn diện tích trong hoạt động đầu tư của Công ty sẽ được bàn giao cho Chủ sở hữu trước khi hoàn tất công tác cổ phần hoá.

- Đối với các dự án Công ty thực hiện quản lý sau cổ phần, Công ty sẽ đẩy mạnh trên cơ sở cân đối nguồn vốn hoạt động trên cơ sở đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

5. Các rủi ro dự kiến

5.1 *Rủi ro về kinh tế*

Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ nên hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự tăng trưởng hoặc trì trệ của việc phát triển Việt Nam nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung. Nền kinh tế nước ta trải qua giai đoạn dài từ 2008 – 2013 với nhiều các vấn đề thách thức đặt ra như lạm phát, cắt giảm đầu tư công, tăng trưởng tín dụng, nợ xấu trong lĩnh vực ngân hàng, tỷ giá và giá vàng nhiều biến động... Sau nhiều giải pháp và nỗ lực quyết liệt của Chính phủ, đặc biệt là quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, dấu hiệu khả quan về sự phục hồi của nền kinh tế đã dần xuất hiện từ năm 2014. Tốc độ tăng GDP của Việt Nam 5,98% trong năm 2014 và 6,68% trong năm 2015 là tín hiệu tích cực cho sự kỳ vọng vào sự tăng trưởng kinh tế trong những năm tiếp theo. Điều này đem lại kỳ vọng cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp

Việt Nam (nói chung) và Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang (nói riêng).

5.2 *Rủi ro về luật pháp*

Rủi ro về luật pháp là một loại rủi ro mang tính hệ thống và nó không những ảnh hưởng đến riêng Công ty mà còn ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều sẽ có những tác động nhất định đến hoạt động Công ty. Với pháp luật Việt Nam hiện hành, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa được chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất cứ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty.

5.3 *Rủi ro đặc thù*

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại và du lịch, trong đó hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xuất khẩu gạo; xuất khẩu cá đóng hộp; và kinh doanh xăng dầu – Những hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các rủi ro mang tính chất đặc thù như: hạn ngạch (quota) xuất khẩu gạo; sự thay đổi trong chính sách bảo hộ hàng trong nước tại nước sở tại (chính sách chống bán phá giá cá tra, cá basa…), biến động giá dầu trong nước và quốc tế ….

5.4 *Rủi ro của đợt chào bán*

Hiện tại, thị trường chứng khoán Việt Nam chưa có sự tăng trưởng bền vững do những biến động về tình hình biển đông; tình trạng ô nhiễm nguồn nước… đã và đang ảnh hưởng đến tâm lý của Nhà đầu tư.Phần lớn, các Nhà đầu tư đều đang trông mong vào một động thái tích cực của Chính phủ cũng như những dấu hiệu lạc quan hơn của nền kinh tế. Thêm vào đó, Chính phủ có chủ trương thoái toàn bộ vốn Nhà nước mà Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đang nắm giữ tại 10 doanh nghiệp lớn đang hoạt động kinh doanh hiệu quả (Vinamilk, FPT, Nhựa Bình Minh…) sẽ thu hút sự quan tâm lớn của các Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Ngoài ra, Công ty đang kinh doanh và hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang – Không thuộc vùng kinh tế trọng điểm của quốc gia, nên Nhà đầu tư chưa có nhiều thông tin cũng như nắm rõ được khả năng phát triển tiềm năng của Công ty. Vì vậy, quyết định chào bán cổ phần ra công chúng của Công ty vào lúc này có thể sẽ gặp một số khó khăn và bất

lợi nhất định.

5.5 *Rủi ro khác*

Bên cạnh những rủi ro hệ thống và rủi ro mang tính đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang cũng như các đơn vị kinh tế khác sẽ chịu ảnh hưởng và tổn thất về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khi xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội…

VIII. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của Doanh nghiệp Nhà nước;
- Thông tư 180/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom);
- Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của Doanh nghiệp 100% Vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

2. Trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa dưới hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định pháp luật về cổ phần hóa:

Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch như sau:

- *Khi doanh nghiệp cổ phần hóa đăng ký bán đấu giá cổ phần lần đầu qua Sở Giao dịch chứng khoán phải đồng thời thực hiện việc đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch cổ phần.*

- *Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội thực hiện đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch cho số cổ phần trúng đấu giá đã được thanh toán. Số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược và người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa được đăng ký, lưu ký theo hướng dẫn của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên hệ thống giao dịch UPCoM theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.*

- *Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện đăng ký số cổ phần trúng đấu giá đã được thanh toán và lưu ký cổ phần vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư theo thông tin do Sở Giao dịch chứng khoán cung cấp.*

- *Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá, Sở Giao dịch chứng khoán (nơi thực hiện đấu giá) gửi Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội văn bản thông báo giá thanh toán bình quân kèm theo danh sách người sở hữu cổ phần trúng đấu giá đã được thanh toán. Danh sách người sở hữu cổ phần trúng đấu giá phải có đầy đủ thông tin về họ tên, số đăng ký sở hữu, địa chỉ, tài khoản lưu ký, số lượng cổ phần sở hữu.*

- *Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về kết quả đợt chào bán kèm theo xác nhận của ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán.*

- *Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bán đấu giá cổ phần của doanh nghiệp cổ phần hóa, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi thông báo xác nhận kết quả bán đấu giá cho doanh nghiệp cổ phần hóa, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.*

- *Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xác nhận kết quả bán đấu giá của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đưa cổ phần vào giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM. Giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên trên hệ thống giao dịch UPCoM được xác định trên cơ sở giá thanh toán bình quân."*

3. Trường hợp Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán

- Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang phải thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại Mục b, Khoản 1, Điều 14 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ: "*Sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán*".

PHẦN III:KẾT LUẬN - TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

I. KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang là phù hợp với chủ trương của nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kiến nghị:

1. Được miễn lệ phí trước bạ đối với việc chuyển những tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp cổ phần hóa thành sở hữu của công ty cổ phần.

2. Được miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi chuyển từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

3. Được ưu tiên kế thừa các quyền và lợi ích hợp pháp về sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Chi phí cổ phần hóa được xây dựng trên cơ sở các chi phí dự kiến phát sinh có liên quan. Doanh nghiệp cổ phần hóa sẽ tiến hành tổng hợp và quyết toán chi phí cổ phần hóa sau khi hoàn tất công tác cổ phần hóa.Trường hợp sau khi quyết toán, nếu chi phí cổ phần hoá thực tế phát sinh vượt qui định tại khoản 4 điều 12, thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011, Công ty kiến nghị UBND tỉnh và Ban chỉ đạo Đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh cho trích từ nguồn Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp để thanh toán bổ sung theo thực tế phát sinh.

Kính đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh Kiên Giang xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng theo quy định của nhà nước.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt và có quyết định của UBND Tỉnh Kiên Giang về việc chuyển Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Thương mại Kiên Giang thành Công ty cổ phần, Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

Bảng số 22: Kế hoạch tổ chức bán cổ phần

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Phê duyệt phương án cổ phần hóa	T 01/2017
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài	Tháng 02–03 năm 2017
3	Tổ chức bán cổ phần cho CB CNV, nhà đầu tư chiến lược	Tháng 02–03 năm 2017
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ chức bán thỏa thuận số lượng cổ phần không bán hết (nếu có)	Tháng 03/2017
5	Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ (nếu có), cử người đại diện phần vốn Nhà nước và thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thành lập	Tháng 03/2017
6	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Tháng 03/2017
7	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần	T 03/2017
8	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty cổ phần, in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông	T 03/2017
9	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	T 04/2017

Kiên Giang, ngày 06 tháng 01 năm 2017

TM. BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 1700523208 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG - TP. RẠCH GIÁ - T. KIÊN GIANG

Nguyễn Thanh Tùng